

QUAN ĐIỂM CỦA LUDWIG FEUERBACH VỀ VẤN ĐỀ HẠNH PHÚC

NGÔ THỊ MỸ DUNG*

Với tư tưởng tiến bộ mang tính nhân văn sâu sắc, nhà triết học cổ điển Đức, Ludwig Feuerbach (1804 - 1872) đã để lại cho nhân loại nhiều triết lý có giá trị, trong đó có tư tưởng đạo đức của ông. Cho rằng nguyên tắc đầu tiên, duy nhất của đạo đức là quyền hạnh phúc của mỗi người phù hợp với quyền hạnh phúc của những người khác, và để có được hạnh phúc, con người cần thoát khỏi đời sống vật chất nghèo nàn và có một tình yêu phổ quát, triết học đạo đức của ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử triết học đạo đức phương Tây.

Từ khóa: triết học đạo đức của Ludwig Feuerbach, quan điểm hạnh phúc của Ludwig Feuerbach

Nhận bài ngày: 06/6/2021; *đưa vào biên tập:* 20/7/2021; *phản biện:* 20/8/2021; *duyet đăng:* 10/10/2021

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hạnh phúc là một trong những vấn đề quan trọng của tư tưởng đạo đức Feuerbach (hạnh phúc, đạo đức tôn giáo, lương tâm...) nói riêng và triết học Feuerbach (bản chất con người, tự do, tôn giáo...) nói chung. Xuất phát từ quan điểm cho rằng đối tượng duy nhất của triết học là con người và cơ sở của nó là tự nhiên (Feuerbach, 2016: 110), Feuerbach đã lập luận

vấn đề hạnh phúc dựa trên việc nghiên cứu bản chất của con người, nhất là bản chất tự nhiên. Theo Feuerbach (2016: 114): con người vừa là một “thực thể cảm tính” (sinnliches Wesen) vừa là một “thực thể cộng đồng” (gemeinschaftliches Wesen). Là một “thực thể cảm tính”, tức là một “thực thể tự nhiên” con người luôn hướng đến sự thỏa mãn những nhu cầu hạnh phúc cá nhân, nhưng là một “thực thể cộng đồng”, con người không thể làm cho mình hạnh phúc mà không đồng thời làm cho người khác hạnh phúc.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Vậy hạnh phúc là gì và làm thế nào để đạt được hạnh phúc? Bài viết sẽ trình bày và phân tích những vấn đề trên trong các tác phẩm *Về triết học đạo đức* (Zur Moralphilosophie) của Feuerbach, viết năm 1868, được Werner Schuffenhauer biên tập trong tác phẩm: *Đoàn kết hay chủ nghĩa vị kỷ. Các nghiên cứu về đạo đức với Ludwig Feuerbach và sau Ludwig Feuerbach* do Hans - Jurg Braun làm chủ biên, xuất bản năm 1994 tại Berlin, và “*Về chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật, đặc biệt liên quan đến ý chí tự do*” (Über Spiritualismus und Materialismus, besonders in Beziehung auf die Willensfreiheit) của ông viết năm 1866, được Werner Schuffenhauer biên tập trong: *Feuerbach toàn tập*, tập 11, xuất bản năm 1990.

2. HẠNH PHÚC

Mặc dù đồng ý với Immanuel Kant (1724-1804) rằng, là một “thực thể cảm tính”, con người luôn khát khao có một cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên trong khi Kant cho rằng, mục đích sống của con người là vươn tới “sự thiện tối cao”, tức là *sự hợp nhất giữa hạnh phúc và đức hạnh* (bởi con người không chỉ là một “thực thể cảm tính” mà còn là một “thực thể lý tính”, vì vậy luôn hướng tới đức hạnh), thì Feuerbach (1994: 367) khẳng định: hạnh phúc là mục đích sống duy nhất của con người.

Phê phán tính hình thức của quy luật đạo đức, cái quyết định tính chất của ý chí - điều mà Kant rất tâm đắc -

Feuerbach đưa ra nhận định rằng, tính hình thức của quy luật đạo đức làm cho ý chí trở thành một năng lực đặc biệt khác với ham muốn bản năng, vì vậy, nó chỉ đơn thuần là một khái niệm không có nội dung. Feuerbach (1990: 69) viết: “Trái ngược với triết học lý thuyết của mình, trong thực tế, Kant xem hình thức đơn thuần của quy luật là đối tượng và cơ sở quyết định của ý chí, và qua đó ý chí trở thành một năng lực đặc biệt khác với ham muốn bản năng (dadurch den Willen zu einem spezifisch vom sinnlichen Begehrungsvermögen verschiedenen Vermögen), nhưng chính vì vậy mà nó trở thành một khái niệm đơn thuần, trong tiếng Đức: điều suy nghĩ, được thực hiện (aber eben deswegen zu einem bloßen Noumenon, auf deutsch: Gedankending, gemacht)”. Không những thế, quan điểm của Kant về cơ sở xác định giá trị hành vi đạo đức không xuất phát từ lợi ích vật chất, hay hạnh phúc cá nhân mà từ lý tính thuần túy thực tiễn, tức “một ý chí tốt” (ein guter Wille), vô điều kiện - theo Feuerbach - là ảo tưởng, bởi ông cho rằng mọi suy nghĩ và hành vi của con người đều nhằm thỏa mãn những nhu cầu và có được hạnh phúc. Tất cả hành vi là kết quả của sự phấn đấu để vươn tới hạnh phúc. Ông viết (1994: 367): “Việc thỏa mãn những nhu cầu của con người là nguyên tắc của mọi suy nghĩ và hành động của chúng ta (Das Verlangen nach Vergnügen ist das Prinzip aller unser Gedanken und Handlungen); tất cả mọi người không ngừng phấn đấu cho

hạnh phúc, đó là sự thật (alle Menschen streben unaufhörlich nach der Glückseligkeit, sie sei wahre); vì vậy, tất cả các hành vi của chúng ta chỉ là kết quả của nỗ lực này (alle unsre Willensakte sind daher nur die Wirkungen dieser Bestrebung)".

Phê phán mạnh mẽ đạo đức học trách nhiệm của Kant, Feuerbach cho rằng chính Kant đã tạo nên sự mâu thuẫn giữa trách nhiệm và quyền mưu cầu hạnh phúc cá nhân, từ đó Feuerbach (1994: 369) khẳng định: "Trách nhiệm đầu tiên của bạn là tự làm cho mình hạnh phúc. Bạn hạnh phúc, vậy cũng làm cho những người khác hạnh phúc" (Deine erste Pflicht ist, dich selbst glücklich zu machen. Bist du glücklich, so machst du auch andere glücklich).

Vậy hạnh phúc là gì? Khác với quan điểm của Kant, Feuerbach (1994: 370) cho rằng cảm xúc của con người (chứ không phải là hình thức của quy luật) là mệnh lệnh tuyệt đối và là cơ sở của đạo đức - "Tiếng nói của cảm xúc (Gefühle), đó là mệnh lệnh tuyệt đối đầu tiên. Nhờ cảm xúc con người nhận biết được những trạng thái khác nhau của tâm hồn, phân biệt được cái tốt, cái xấu và có hành vi phù hợp thỏa mãn cảm xúc đó. Không phải sự hy sinh truyền lệnh cho trách nhiệm mà là khoái lạc, sự thỏa mãn".

Xuất phát từ quan điểm trên, Feuerbach (1994: 354) cho rằng hạnh phúc là sự thỏa mãn những nhu cầu cảm xúc bản năng đặc trưng của con người. "Hạnh phúc... không gì khác

hơn là trạng thái khỏe mạnh, bình thường của một cơ thể sống, trạng thái sung sướng hay bình an, trạng thái mà một cơ thể sống có thể và thực sự thỏa mãn các nhu cầu, hay bản năng thuộc về cá nhân, đặc trưng của mình, và một cuộc sống không có trở ngại" (Glückseligkeit... ist aber nichts anders als der gesunde, normale Zustand eines Wesens, der Zustand des Wohlbefindens oder Wohlseins, der Zustand, wo ein Wesen die zu seinem individuellen, charakteristischen Wesen und Leben gehörigen Bedürfnisse oder Triebe ungehindert befriedigen kann und wirklich befriedigt).

Với Feuerbach (1994: 359), hạnh phúc chính là "sống hòa hợp với những ham muốn và bản năng của tôi" (das Leben im Einklang mit meinen Neigungen und Trieben). Hạnh phúc là một bản năng đặc trưng cơ bản của con người, là "bản năng nguyên thủy và bản năng cơ bản của tất cả những gì sống và yêu, những gì đang tồn tại và muốn tồn tại" (Ur- und Grundtrieb alles dessen, was lebt und liebt, was ist und sein will) (Feuerbach, 1994: 365).

Hạnh phúc là động lực thiết yếu, cơ bản nhất của con người. Feuerbach cho rằng, ngay cả việc tự sát của một người tuyệt vọng với cuộc sống cũng không mâu thuẫn với bản năng hạnh phúc (Glückseligkeitstrieb). "Tự sát chỉ là biểu hiện cuối cùng của sự thôi thúc được hạnh phúc; vì kẻ tự sát không muốn chết vì nó là một điều ác, nhưng

vì nó là sự kết thúc của sự xấu xa và bất hạnh của mình; anh ta muốn và chọn cái chết, điều mâu thuẫn với bản năng hạnh phúc, chỉ vì nó là phương thuốc duy nhất, thậm chí chỉ trong trí tưởng tượng của anh ta, phương thuốc duy nhất chống lại những mâu thuẫn hiện hữu hoặc thậm chí đáng sợ, không thể chịu đựng được” (Feuerbach, 1994: 371). Tự sát, vì vậy, đã giải thoát anh ta khỏi nỗi khổ đau – một biểu hiện của bản năng hạnh phúc.

Theo Feuerbach (1990: 70), “bản năng hạnh phúc là bản năng của những bản năng” (Der Glückseligkeitstrieb ist der Trieb der Triebe), vì vậy “nơi nào không có bản năng hạnh phúc, cũng không có bản năng nào nói chung” (wo kein Glückseligkeitstrieb, ist kein Trieb überhaupt) (Feuerbach, 1990: 70). Là một “thực thể cảm tính” bản chất con người là đau khổ. Tuy nhiên chính sự đau khổ, nỗi bất hạnh trong cuộc sống thúc đẩy bản năng hạnh phúc trỗi dậy. Càng đau khổ con người càng khát khao được sống, được hạnh phúc. Con người càng đau khổ bao nhiêu, càng chứng tỏ chất người bấy nhiêu, và sự vượt qua những đau khổ, bất hạnh là minh chứng rõ ràng cho bản năng hạnh phúc mãnh liệt của con người (Feuerbach, 1994: 370). “Chính trong nỗi bất hạnh thì bản năng hạnh phúc mới chứng tỏ sự toàn năng của nó” (Gerade im Unglück beweist der Glückseligkeitstrieb seine Allmacht) (Feuerbach, 1994: 371).

Trong khi Kant bác bỏ mối liên hệ giữa ý chí và những nhu cầu bản năng của con người, khẳng định sự độc lập, tự quyết của ý chí, thì Feuerbach (1990: 70) nhấn mạnh sự thống nhất giữa chúng: “Nơi nào không có bản năng, thì không có ý chí” (Wo aber kein Trieb, ist kein Wille). Ý chí và bản năng hạnh phúc thống nhất với nhau, bởi khi nói: “Tôi muốn, có nghĩa là: tôi không muốn đau khổ, tôi muốn được hạnh phúc” (Ich will, heißt: ich will nicht leiden, ich will glücklich sein) (Feuerbach, 1994: 367), và “khi một cơ thể sống ngừng mong muốn hạnh phúc, khi đó nó cũng ngừng mong muốn nói chung” (Wo aber ein Wesen aufhört, Glückseligkeit zu wollen, da hört es auf überhaupt zu wollen) (Feuerbach, 1994: 367).

Hạnh phúc luôn gắn liền với sự thỏa mãn những nhu cầu bản năng, nhất là bản năng tình dục (der Geschlechtstrieb). Bởi con người là một “thực thể cảm tính” (một “thực thể tự nhiên”), vì vậy, ham muốn thỏa mãn nhu cầu tình dục không trái với đạo đức. Luật pháp nói chung, không phủ nhận bản năng tình dục của con người mà chỉ phủ nhận những hành vi thỏa mãn tình dục bất hợp pháp mà thôi (Feuerbach, 1990: 70). Không những thế, theo Feuerbach (1994: 408): “quan hệ tình dục là mối quan hệ cơ bản, là cơ sở của đạo đức” (das Geschlechterverhältnis gerade als moralisches Grundverhältnis, als Grundlage der Moral).

3. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC HẠNH PHÚC?

L. Feuerbach cho rằng không có hạnh phúc nếu không có đức hạnh và ngược lại. Tuy nhiên hạnh phúc và đức hạnh phụ thuộc vào điều kiện sống vật chất của con người. Ông (1994: 404) viết: “Không có hạnh phúc nếu không có đức hạnh, các bạn đấng, các bạn là những nhà đạo đức [...] nhưng các bạn hãy nhớ rằng không có đức hạnh cũng không có hạnh phúc - và do đó đạo đức rơi vào lãnh vực của kinh tế tư nhân hoặc kinh tế nhà nước” (Es gibt keine Glückseligkeit ohne Tugend, ihr habt Recht, ihr Moralisten [...] aber merkt es euch, es gibt auch keine Tugend ohne Glückseligkeit – und damit fällt die Moral ins Gebiet der Privatökonomie oder Nationalökonomie).

Khẳng định điều kiện sinh sống vật chất là cơ sở của đạo đức, Feuerbach (1994: 405) viết: “Cơ sở của cuộc sống cũng là cơ sở của đạo đức. Khi nào bạn không có chất trong cơ thể vì đói hoặc vì khổ, lúc đó bạn không có cơ sở hay chất cho đạo đức trong đầu, trong các giác quan và trái tim của bạn” (Die Grundlage des Lebens ist auch die Grundlage der Moral. Wo du vor Hunger, vor Elend keinen Stoff im Leibe hast, da hast du auch in deinem Kopfe, deinem Sinne und Herzen keinen Grund und Stoff zur Moral). Phân tích sâu hơn vấn đề này Feuerbach đã mô tả điều kiện sinh hoạt khổ khổ của người lao động trong tác phẩm *Tư bản* của Marx và khẳng định: “Nơi nào thiếu những gì

cần thiết cho cuộc sống, thì nơi đó cũng thiếu sự tất yếu của đạo đức” (Wo das zum Leben Notwendige fehlt, da fehlt auch die sittliche Notwendigkeit) (Feuerbach, 1994: 406). Cho rằng 100 gái điếm trên đường phố London thì có đến 99 người là nạn nhân của sự khổ cùng (Opfer der Not) ông đã đưa ra nhận định: “Phương tiện sống thiết yếu cũng chính là phương tiện thiết yếu của đức hạnh” (die notwendigen Lebensmittel sind auch die notwendigen Tugendmittel) (Feuerbach, 1994: 407).

Từ những lập luận trên, ông đi đến kết luận rằng để có được hạnh phúc và đức hạnh cần loại bỏ sự nghèo nàn của đời sống vật chất. Khẩu hiệu của ông là: “Nếu các bạn muốn tiến vào đạo đức, trước hết hãy loại bỏ những chướng ngại vật chất cản đường các bạn!” (Wollt ihr daher der Moral Eingang verschaffen, so schafft vor allem die ihr im Wege stehenden, materiellen Hindernisse hinweg!) (Feuerbach, 1994: 406).

Feuerbach cho rằng, con người vừa là một “thực thể tự nhiên” mang trong mình bản tính vị kỷ (egoistisches) (nghĩa là luôn nghĩ đến mình trước khi nghĩ đến người khác) vừa là một “thực thể cộng đồng”. Bản tính vị kỷ, theo ông, thường được thể hiện ở tình yêu đối với bản thân (die Selbstliebe), là bản năng tự bảo tồn của con người. Tuy nhiên, “tình yêu của một người dành cho chính mình, cũng tức là tình yêu dành cho con người nói chung” (Liebe des Menschen zu sich selbst, d.h. die Liebe zum menschlichen

Wesen) (Feuerbach, 2016: 115). Điều đó có nghĩa là tính vị kỷ không chỉ là tình yêu đối với bản thân (*die Selbstliebe*) mà còn có thể là tình yêu gia đình, tình yêu quốc gia, dân tộc...

Bởi “*bản chất con người chỉ có trong cộng đồng, trong sự thống nhất của con người với con người*” (*das Wesen des Menschen ist nur in der Gemeinschaft, in der Einheit des Menschen mit dem Menschen erhalten*) (Feuerbach, 2016: 114), vì vậy, hạnh phúc của mỗi cá nhân cũng gắn liền với hạnh phúc cộng đồng (*gemeinschaftliche Glückseligkeit*). Để có được hạnh phúc, tức là thỏa mãn những nhu cầu bản năng, nhất là bản năng tình dục, con người không chỉ yêu bản thân mà còn yêu người khác. “Tình yêu cũng có đi có lại” (*Liebe beruht auch auf Gegenseitigkeit*) (Feuerbach, 1990: 74), và ngay trong quan hệ tình dục - “*hình thức thân mật và hoàn hảo nhất của tình yêu*” (*Die innigste und vollkommenste Form der Liebe*) - chúng ta “*không thể làm cho mình hạnh phúc mà không đồng thời, thậm chí vô tình, làm cho người kia hạnh phúc, chúng ta càng làm cho người khác hạnh phúc, chúng ta càng làm cho chính mình hạnh phúc*” (*man kann nicht sich selbst beglücken, ohne zugleich, selbst unwillkürlich, den andern Menschen zu beglücken, je mehr wir den andern, desto mehr beglücken wir uns selbst*) (Feuerbach, 1990: 77).

Feuerbach lập luận rằng, chỉ từ trải nghiệm hạnh phúc của chính mình,

mỗi cá nhân mới biết điều gì tốt và điều gì xấu để từ đấy có thể đối xử tốt với những người khác, những gì mà cá nhân mình không muốn thì cũng tránh không làm cho người khác. Ông (1994: 415) viết: “*Người có tấm lòng lương thiện và có thái độ đối với người khác cũng như đối với bản thân, không đi ngược lại quy luật đạo đức về trách nhiệm vốn được quy định cho con người bởi bản chất lý trí của họ; anh ta không làm cho người khác những gì mà anh ta không muốn làm cho anh ta*” (*Derjenige, dessen Herz redlich ist und der für Andere dieselben Gesinnungen hegt, als für sich, entfernt sich nicht von dem Moralgesetze der Pflicht, welches den Menschen durch ihre vernünftige Natur vorgeschrieben ist; er thut Andern nicht, was er nicht wünscht, daß man ihm thue*).

Như vậy, theo Feuerbach, mục đích của cuộc sống con người là hạnh phúc. Là một “*thực thể tự nhiên*”, bản tính con người là vị kỷ, luôn nghĩ đến hạnh phúc của chính mình trước khi nghĩ đến hạnh phúc của người khác. Tuy nhiên con người đồng thời là một “*thực thể cộng đồng*”, vì vậy, hạnh phúc của cá nhân luôn gắn liền với hạnh phúc của cộng đồng. Với lập luận trên, Feuerbach cho rằng, tính vị kỷ và tình yêu phổ quát, hạnh phúc và trách nhiệm thống nhất với nhau.

Để có được hạnh phúc, con người cần phải thoát khỏi đời sống vật chất nghèo nàn và có một tình yêu đối với bản thân và với những người khác.

“Hạnh phúc của chính mình là mục đích chính đáng của đạo đức, nhưng đạo đức không thừa nhận hạnh phúc của chính mình mà không có hạnh phúc của người khác” (Die eigene Glückseligkeit ist ein legitimes Ziel der Moral, aber allerdings die Moral kennt keine eigene Glückseligkeit ohne fremde Glückseligkeit) (Feuerbach, 1994: 413).

Trách nhiệm đầu tiên của mỗi cá nhân là tự làm cho mình hạnh phúc, tuy nhiên “người ta không thể thỏa mãn bản năng hạnh phúc của chính mình mà không đồng thời thỏa mãn bản năng hạnh phúc của người khác” (man kann den eigenen Glückseligkeitstrieb nicht befriedigen, ohne zugleich den Glückseligkeitstrieb des andern zu befriedigen) (Feuerbach, 1994: 410). Vì vậy, hạnh phúc cá nhân không phải là mục đích mà là cơ sở và là điều kiện tiên quyết của hạnh phúc cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Cho rằng đối tượng duy nhất của triết học là vấn đề con người và cơ sở của nó là tự nhiên, Feuerbach đã lập luận

vấn đề hạnh phúc dựa trên “bản chất tự nhiên” của con người. Là một “thực thể tự nhiên” cảm tính, con người luôn khát khao có được hạnh phúc. Có sức khỏe, được thỏa mãn những nhu cầu bản năng, được sống bình an và được yêu chính là hạnh phúc. Để có được hạnh phúc, con người phải thoát khỏi sự nghèo nàn của đời sống vật chất và có một tình yêu đối với chính mình và với mọi người.

Mặc dù quan điểm về hạnh phúc của Feuerbach còn một số hạn chế bởi tính quy định của lịch sử (đề cao sự thỏa mãn nhu cầu bản năng, nhất là bản năng tình dục; sức mạnh của tình yêu phổ quát) nhưng những lập luận của ông về mối liên hệ giữa hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc cộng đồng với châm ngôn: *Bạn hạnh phúc, vậy cũng làm cho những người khác hạnh phúc*, và lời kêu gọi: không chỉ yêu bản thân, đối xử tốt với bản thân mà không đồng thời yêu thương con người nói chung, rất đáng được trân trọng. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Feuerbach, Ludwig. 1994. “Zur Moralphilosophie” (Về triết học đạo đức), do Werner Schuffenhauer biên tập, in trong *Đoàn kết hay chủ nghĩa vị kỷ. Các nghiên cứu về đạo đức với Ludwig Feuerbach và sau Ludwig Feuerbach (Solidarität oder Egoismus. Studien zu einer Ethik bei und nach Ludwig Feuerbach)*, Hans - Jurg Braun chủ biên. Berlin: Akademie Verlag.
2. Feuerbach, Ludwig. 1990. “Über Spiritualismus und Materialismus, besonders in Beziehung auf die Willensfreiheit (Về chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật, đặc biệt liên quan đến ý chí tự do)” do Werner Schuffenhauer biên tập, in trong *Feuerbach toàn tập*, tập 11. Berlin: Akademie Verlag.
3. Feuerbach, Ludwig. 2016. *Grundsätze der Philosophie der* (Những nguyên lý của triết học tương lai) do Karl - Maria Guth chủ biên. Berlin: Hofenberg.